

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 37/2019/HS-ST
Ngày 21 - 5 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

-T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Hân

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T, (Tên gọi khác: Th), sinh năm 1981 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ A, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T1 và bà Nguyễn Thị D; vợ Nguyễn Thị Tr (đã ly hôn); con có 03 lớn sinh năm 2008; nhỏ sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không.

Quá trình hoạt động: Tại Bản án số: 948/2008/HSST ngày 31/12/2008 bị Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xử phạt Nguyễn Đức T 07 năm tù về tội: “Giết người”, phạt quản chế 02 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù, án phí 50.000đồng. Chấp hành xong án phí tháng 03/2009, được đặc xá ra trại ngày 30/8/2010; đã được xóa án.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt;

2. Đào Anh B, sinh năm 1983 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ A, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Bá C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị R; vợ, con chưa có; tiền án: Không. Tiền sự: có 01; Tại quyết định số: 08/QĐ-TA ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng đối với Đào Anh B. Chấp hành xong ngày 13/8/2016.

Quá trình hoạt động: Tại bản án số: 22/2006/HSST ngày 24/4/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong án phí tháng 9/2006, ra trại ngày 23/01/2007; đã được xóa án. Tại bản án số: 44/2007/HSST ngày 20/6/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 30 tháng tù về tội: “Cướp giật tài sản”; đã chấp hành xong án phí tháng 9 năm 2007, ra trại ngày 29/4/2009; đã được xóa án. Tại Quyết định số: 1243/QĐ-CT ngày 29/6/2010 bị Chủ tịch Ủy Bn nhân dân thị xã Phúc Yên ra quyết định đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng. Chấp hành xong ngày 30/6/2012. Tại Quyết định số: 1168/QĐ-CT ngày 11/6/2012 bị Chủ tịch Ủy Bn nhân dân thị xã Phúc Yên ra quyết định về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú trong thời gian 24 tháng, kể từ ngày 30/6/2012. Tại Quyết định số: 08/QĐ-TA ngày 06 tháng 10 năm 2014 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng đối với Đào Anh B. Chấp hành xong ngày 13/8/2016.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt.

3. Lưu Quang T2, sinh năm 1976 tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ B, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Thế L và bà Bùi Thị C; vợ Lê Thị Kim V và có 02 con, lớn sinh năm 2006; nhỏ sinh năm 2013; tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt;

* Người giám hộ cho bị cáo T:

Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1952

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958

Đều trú tại: Tổ A, phường H, thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc; ông T1 và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt;

* Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Kim Anh Lượng, sinh năm 1956

Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

* Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Triệu V, sinh ngày 16/02/2002

Người giám hộ cho Vi: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975.

- Chị Quàng Thị P, sinh 10/12/2002

Người giám hộ cho Phươì: Ông Quàng Văn H3, sinh năm 1980 và bà Quàng Thị H4, sinh năm 1982.

- Chị Trần Thị Thanh H, sinh ngày 12/6/2002

Người giám hộ cho Hoa: Ông Trần Văn T3, SN 1971 và bà Đặng Thị Y, SN 1971

- Chị Lê Thị Kim N, sinh 16/10/2000

- Anh Trần Văn H1, sinh năm 1980

- Anh Trần Trọng A, sinh năm 1994.

Tất cả đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 05/8/2018, Nguyễn Đức T và Lưu Quang T2 đến nhà Đào Anh B ăn giỗ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong T, T2 và B rủ nhau thuê xe taxi đến quán karaoke Queen thuộc tổ 4, phường, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để hát karaoke. Trên đường đi, B gọi điện cho bạn là Nguyễn Triệu V rủ đến quán karaoke hát cùng. Khi đến quán, T nói với nhân viên lễ tân là anh Trần Trọng A bố trí phòng và nhân viên nữ phục vụ khi hát, anh A đồng ý và bố trí phòng hát 303 cho T, T2 và B. Tại phòng 303 T nói với T2 và B là mỗi người góp 1.000.000đồng để mua ma túy tổng hợp về cùng sử dụng thì T2 và B đồng ý. T2 đưa cho T 1.000.000đồng, còn B lấy ví của mình ra để lên bàn uống nước để cho T tự lấy 1.000.000đồng góp tiền mua ma túy; bản thân T cũng góp 1.000.000đồng của mình được tổng số tiền là 3.000.000đồng (B triệu đồng). Khoảng 15 phút sau, Nguyễn Triệu V đi xe taxi đến quán sau đó vào phòng 303 hát cùng, lúc này anh Trần Trọng A cũng bố trí 03 nhân viên nữ của quán gồm Quàng Thị P, Trần Thị Thanh H và Lê Thị Kim N vào phòng 303 phục vụ hát. Trong khi mọi người đang hát karaoke, Nguyễn Đức T cầm số tiền 3.000.000đồng mà T, T2 và B cùng góp chung tiền trước đó đến gặp và mua 01 túi ma túy tổng hợp Ketamine (thường gọi là Ke) và 01 túi có 05 viên nén ma túy tổng hợp MDMA (thường gọi là Kẹo) với giá 3000.000đồng của 01 nhân viên quán hát tự giới thiệu tên là Hoa Quỳnh sau đó đem vào phòng hát cùng mọi người.

Tại phòng 303, Nguyễn Đức T dùng tay bẻ 05 viên ma túy MDMA trong túi thành nhiều mảnh nhỏ rồi để lên mặt bàn; còn túi ma túy dạng Ke, T đổ khoảng 1/3 số ma túy trong túi ra 01 đĩa sứ màu trắng, phần ma túy còn lại trong túi nylon T để trên mặt bàn. Sau đó T dùng thẻ ngân hàng VietcomBnk của mình đảo ma túy và dùng bật lửa gas đốt ở phía dưới đĩa để xào (thường gọi là xào Ke) rồi chia bột ma túy thành nhiều hàng nhỏ (thường gọi là đường Ke); T cuốn tròn tờ tiền polime mệnh giá 10.000đồng thành dạng ống và dùng 02 vỏ đầu lọc của điều thuốc lá VinataB bọc cố định 02 đầu tờ tiền để làm dụng cụ sử dụng ma túy Ke. Toàn bộ số ma túy trên T để trên mặt bàn để T, B và T2 cùng sử dụng chung. T và B sử dụng cả 02 loại ma túy; T2 chỉ sử dụng ma túy Ke. Sau khi sử dụng ma túy xong, lúc này trong phòng hát đang mở nhạc sàn, T, T2 và B cùng nhau nhảy múa trong phòng hát. Trong khi T, T2 và B đang nhảy múa, thấy có ma túy ở trên mặt bàn, Nguyễn Triệu V, Trần Thị Thanh H và Quàng Thị P tự lấy ma túy rồi sử dụng sau đó cùng nhảy múa trong phòng hát. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi tất cả đang nhảy múa trong phòng thì Công an thành phố Phúc Yên kiểm tra hành chính phát hiện, thu giữ ma túy cùng vật chứng có liên quan gồm: 01 túi nylon bên trong chứa các tinh thể dạng đá được niêm phong trong phong bì kí hiệu A2; 01 túi nylon bên trong chứa 03 mảnh viên nén (gồm 02 mảnh viên nén màu trắng đục và 01 mảnh viên nén màu xanh lá cây) được niêm phong trong phong bì kí hiệu A3; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ VietcomBnk mang tên Nguyễn Đức T và 01 ống hút làm bằng tờ tiền 10.000đồng.

Tại Bản kết luận giám định số: 4332/C54(TT2) ngày 14/8/2018 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an đối với vật chứng thu giữ niêm phong trong các phong bì ký hiệu A2, A3 kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trắng trong niêm phong bì kí hiệu A2 gửi giám định là ma túy; loại: Ketamine; khối lượng mẫu: 0,218gam; hàm lượng Ketamine là 54,4%.

- Mẫu các mảnh viên nén màu trắng đục và màu xanh trong phong bì niêm phong kí hiệu A3 gửi giám định là ma túy; loại: MDMA; tổng khối lượng mẫu: 0,240 gam.

Cơ quan giám định hoàn lại mẫu vật: A2 là 0,141gam; A3 là 0,103gam cùng toàn bộ Bo gói.

Tại Quyết định số: 324 ngày 03/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc và đưa Nguyễn Đức T đến để giám định tâm thần (từ ngày 03/10/2018 đến ngày 09/11/2018).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 74/2018/PYTT ngày 08/11/2018 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đối với Nguyễn Đức T, kết luận như sau:

“1. Nguyễn Đức T, sinh năm 1981, ở tổ 16, phường H, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bị bệnh tâm thần: Các rối loạn cảm xúc (khí sắc) thực tồn (Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi - F06.3).

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 05/8/2018 Nguyễn Đức T bị bệnh tâm thần: Các rối loạn cảm xúc (khí sắc) thực tồn, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Nguyễn Đức T bị bệnh tâm thần: Các rối loạn cảm xúc (khí sắc) thực tồn, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

Tại Công an thành phố Phúc Yên Nguyễn Đức T, Lưu Quang T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Triệu V, Trần Thị Thanh H và Quàng Thị P khai nhận đều đã sử dụng ma túy Ke, Kẹo tại phòng hát 303 của quán karaoke Queen như nêu trên; kết quả xét nghiệm nước tiểu của 06 đối tượng trên bằng que thử đều là Dương tính (+) với ma túy.

Về nguồn gốc ma túy nêu trên, Nguyễn Đức T khai nhận đã mua của nhân viên quán hát có là Hoa Quỳnh. Quá trình điều tra vụ án xác định, Hoa Quỳnh có tên thật là Đỗ Thị N, sinh năm 1993, trú tại khu 2, thị trấn C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. N đến làm nhân viên của quán karaoke Queen từ khoảng tháng 06/2018 và sử dụng tên gọi hàng ngày là Hoa Quỳnh; sau ngày 05/8/2018 N tự ý bỏ việc không làm tại quán Queen; cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh tại gia đình, địa phương nhưng N vắng mặt tại nơi cư trú nên chưa triệu tập để làm rõ việc có bán ma túy cho T hay không. Do vậy hành vi của N, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Triệu V, Trần Thị Thanh H và Quàng Thị P bản thân chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra xác định các đối tượng trên đã từng sử dụng loại ma túy tổng hợp và ngày 05/8/2018 V, H, P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 303 quán karaoke Queen. Ngày 23/3/2019 Công an thành phố Phúc Yên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 51/QĐ-XPHC, Quyết định số: 52/QĐ-XPHC đối với P và Quyết định số: 53 /QĐ-XPHC đối với V mỗi người số tiền 750.000đồng.

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội số: 479/QĐ-CT ngày 19/3/2019 Chủ tịch Ủy Bn nhân dân thành phố Phúc Yên xử phạt đối với anh Trần Văn H1, là chủ cơ sở karaoke Queen số tiền 12.250.000đồng (Mười hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) về các vi phạm: Thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý, để cho các đối tượng lợi dụng tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý; sử dụng người không có đủ điều kiện tiêu chuẩn vào làm việc trong cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT; sử dụng nhân viên phục vụ trong 01 phòng hát karaoke vượt quá số lượng theo quy định.

Về xử lý vật chứng:

Đối với mẫu vật A2 là 0,141gam và A3 là 0,103gam cùng toàn bộ Bo gói do cơ quan giám định hoàn lại; 01 đĩa sứ màu trắng dùng để sử dụng ma túy, 01 thẻ VietcomBnk mang tên Nguyễn Đức T dùng để xào ke bị cháy và 01 ống hút làm bằng tờ tiền polime 10.000đồng là công cụ phương tiện sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức T; Lưu Quang T2 và Đào Anh B thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố.

Tại Cáo trạng số: 34/CT - VKSPY ngày 18 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố Nguyễn Đức T; Lưu Quang T2 và Đào Anh B về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chuyển truy tố các bị cáo từ điểm c khoản 1 Điều 249 sang điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đào Anh B từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lưu Quang T2 từ 12 tháng đến 15 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng như Cáo trạng đã đề cập.

Luật sư Kim Anh Lượng - Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T như sau: Bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do ảnh hưởng của chất độc màu da cam của bố bị cáo; bị cáo hiện không có công việc ổn định và không có thu nhập. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Với những phân tích trên kính đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm q, s khoản 1 điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp

nhất của khung hình phạt được áp dụng để tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở T2 công dân tốt cho gia đình và xã hội

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T, Lưu Quang T2 và Đào Anh B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: lời khai của người làm chứng; biên bản kiểm tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 5 tháng 8 năm 2018, tại quán karaoke Queen thuộc tổ 4, phường T, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, với mục đích để sử dụng Nguyễn Đức T, Lưu Quang T2 và Đào Anh B đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy; A2 có khối lượng 0,218gam ma túy loại Ketamine, hàm lượng Ketamine là 54,4%; A3 có khối lượng là 0,240gam là ma túy loại MDMA.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Đức T, Đào Anh B và Lưu Quang T2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng tình hình trị an địa phương. Do vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự;

Về căn cứ để truy tố các bị cáo phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự theo Cáo trạng số: 34/CT-VKSPY ngày 18/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Hội đồng xét xử nhận thấy. Điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự năm quy định: “Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamin, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1gam đến dưới 05 gam”.

Ở vụ án này với mục đích để sử dụng, các bị cáo Nguyễn Đức T, Đào Anh B và Lưu Quang T2 đã tàng trữ 02 loại ma túy là Ketamine có khối lượng 0,218gam và MDMA khối lượng 0,240 gam. Căn cứ Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, thì hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy nêu của các bị cáo phải bị xét xử theo điểm i, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định như sau: “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo nội dung bản cáo trạng số: 34/CT-VKSPY ngày 18/4/2019 và chuyển sang truy tố các bị cáo theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ; theo quy định tại khoản 1 Điều 221 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính coi thường pháp luật, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tính chất vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Đức T là người chủ động rủ các bị cáo Đào Anh B và Lưu Quang T2 góp tiền đi mua ma túy về sử dụng và chính T là người trực tiếp đi mua ma túy về để các bị cáo sử dụng. Bị cáo T đã từng 01 lần bị Tòa án xét xử về tội: “Giết người”. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo có dấu hiệu của bệnh tâm thần do bị ảnh hưởng của chứng chất độc màu da cam từ bố bị cáo, năm 2006 bị cáo T cũng đã đi điều trị tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vĩnh Phúc, Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 74/2018/PYTT ngày 08/11/2018 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đối với Nguyễn Đức T đã kết luận: “ Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 05/8/2018 Nguyễn Đức T bị bệnh tâm thần: Các rối loạn cảm xúc (khí sắc) thực tổn, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”. Nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đào Văn B là người góp tiền để bị cáo T đi mua ma túy về sử dụng, bị cáo B đã 02 lần bị Tòa án xét xử và 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính, hiện còn 01 tiền sự. Bị cáo B cũng được hưởng tình tiết

giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên Hội đồng áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Đào Anh B đều là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử. Bị cáo T giữ vai trò chính trong vụ án, lẽ ra phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo B, nhưng do bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ: “Hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”, nên cần áp dụng hình phạt tù với bị cáo B và bị cáo T như nhau là phù hợp.

Đối với bị cáo Lưu Quang T2, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; T2 khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mẹ bị cáo được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nên hình phạt tù áp dụng cho bị cáo T2 là nhẹ hơn so với bị cáo T và bị cáo B là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng, quá trình điều tra và làm rõ tại phiên tòa bị cáo nghiện ma túy không có tài sản, không có nghề nghiệp và thu nhập. Vì vậy không cần T phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với nhân viên quán hát Queen tên là Hoa Quỳnh bán ma túy cho bị cáo T ngày 05/8/2018, đến nay Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Triệu V, Trần Thị Thanh H và Quàng Thị P ngày 05/8/2018 sử dụng ma túy cùng các bị cáo, bản thân chưa có tiền án, tiền sự nên Công an Thành phố Phúc Yên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với mỗi người số tiền 750.000đồng là có căn cứ.

Đối với Trần Văn H1 là chủ cơ sở karaoke Queen bị Chủ tịch Ủy Bn nhân dân Thành phố Phúc Yên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với số tiền 12.250.000đồng (Mười hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án: Cần tịch thu, tiêu hủy mẫu cùng toàn bộ Bo gói do Cơ quan giám định hoàn lại sau giám định; 01 đĩa sứ màu trắng dùng để sử dụng ma túy, 01 thẻ VietcomBnk mang tên Nguyễn Đức T không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 ống hút làm bằng tờ tiền polime 10.000đồng là công cụ phương tiện sử dụng ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T (Tên gọi khác: Th), Đào Anh B và Lưu Quang T2 phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đào Anh B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lưu Quang T2 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy mẫu mẫu vật A2 là 0,141gam và A3 là 0,103gam cùng toàn bộ Bo gói do cơ quan giám định hoàn lại.

Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ VietcomBnk mang tên Nguyễn Đức T.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 10.000đồng (Mười nghìn đồng).

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phúc Yên).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội; bị cáo T, B và T2 mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THỊ THÚY